TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **385**/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 376/2020/TLST-HNGĐ Ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
Ông Võ Đại N và bà Nguyễn Thị Mỹ D;
Nơi đăng ký HKTT: 22 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Nơi cư trú: 53 đường T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đại N và bà Nguyễn Thị Mỹ D đăng ký kết hôn ngày 08/4/2014 tại UBND phường P, thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cải nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên ông N và bà D tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N và bà D công nhận vợ chồng có 04 con chung: Võ Hoài A; sinh ngày: 08/2/2013, Võ Nguyễn Gia N; sinh ngày: 20/2/2014; Võ Nguyễn Gia T; sinh ngày: 20/2/2014; Võ Hoài A; sinh ngày: 06/2/2019. Ông N và bà D thỏa thuận giao 04 con cho bà D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D cùng công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông N, bà D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 28/7/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đại N và bà Nguyễn Thị Mỹ D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông N, bà D thỏa thuận giao 04 con Võ Hoài A; sinh ngày: 08/2/2013, Võ Nguyễn Gia N; sinh ngày: 20/2/2014; Võ Nguyễn Gia T; sinh ngày: 20/2/2014; Võ Hoài A; sinh ngày: 06/2/2019 cho bà D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho mỗi cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D cùng công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Đại N, bà Nguyễn Thị Mỹ D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, ông N và bà D đã tạm nộp tạm ứng lệ phí đủ 300.000 đồng. Căn cứ biên lại số AA/2013/0000085 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố H. Nay không phải nộp nữa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSNDTP Huế;
- UBND phường Phú Hội - Huế;
(ĐKKH số 34/2014; quyển số 01/2014, ngày 08/4/2014);
-Lưu.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân